

HOSE

25/04/2014

VNINDEX 578.91 8.45 1.48%

KLGD 64,320,453 CP

GTGD 1,284.88 Tỷ

GTR NDTNN 36.46 Tỷ

CP Tăng giá 136 CP

CP Giảm giá 78 CP

CP Đứng giá 90 CP



HNX

25/4/2014

HNXINDEX 80.58 0.58 0.73%

KLGD 41,676,356 CP

GTGD 425.70 Tỷ

GTR NDTNN 2.15 Tỷ

CP Tăng giá 132 CP

CP Giảm giá 71 CP

CP Đứng giá 176 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 636.35 7.19 1.14%

HNX30 162.08 1.10 0.68%

Tâm điểm

► **Bluechips giúp thị trường tăng điểm tích cực**

► **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức khá thấp**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,600 tỷ đồng.

► **Vốn FDI vào Việt Nam đạt 4,855 tỷ USD trong 4 tháng**

Theo thông tin từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT)

VOVonline

► **HSBC: Lạm phát Việt Nam 2014 sẽ thấp nhất 10 năm**

Theo báo cáo mới được công bố của khối Nghiên cứu Kinh tế của Ngân hàng HSBC

Thời báo Ngân hàng

► **Eurozone: Thâm hụt ngân sách giảm, nợ công tăng**

Thâm hụt ngân sách của EU năm 2013 là 3.3% và tổng nợ bằng 87.1% GDP

TTXVN

► **DHG: Lợi nhuận quý 1/2014 đạt 118 tỷ, xấp xỉ năm ngoái**

Lợi nhuận quý 1/2014 bằng 99.6% lợi nhuận cùng kỳ năm trước

Người Đồng Hành

► **BID: Đạt 1,800 tỷ đồng LNTT trong quý 1/2014**

Năm 2014, BID dự kiến đạt tổng chênh lệch thu chi là 15,000 tỷ đồng

Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,005,899	13.7	3.2	23.0%	11.7%
HNX	128,462	17.2	1.6	8.8%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,134,361	14.4	3.0	22.2%	11.0%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,371	6.4	1.0	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,018	6.9	1.5	23.4%	17.4%
Thép và sản phẩm thép	34,962	17.7	1.9	18.7%	8.0%
Khai khoáng	12,247	53.2	5.0	2.1%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,989	18.6	1.4	17.3%	9.3%
Xây dựng	31,045	66.0	1.1	1.4%	1.6%
Máy công nghiệp	8,374	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,825	10.9	1.4	16.7%	12.5%
Lốp xe	6,857	8.3	2.2	29.0%	12.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,483	13.8	1.3	12.3%	5.9%
Thực phẩm	208,094	23.3	5.5	24.6%	18.4%
Dược phẩm	16,035	12.8	3.5	26.7%	17.4%
Phần mềm	18,345	11.3	2.5	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	22,158	7.2	1.2	18.7%	9.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	181,366	14.0	5.1	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,382	22.3	2.1	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,924	18.6	1.4	8.2%	5.5%
Ngân hàng	251,727	11.2	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	140,681	12.8	2.7	30.6%	6.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,761	9.3	2.0	21.7%	8.3%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacng@vietinbanksc.com.vn

Vốn FDI vào Việt Nam đạt 4.855 tỷ USD trong 4 tháng

HSBC: Lạm phát Việt Nam 2014 sẽ thấp nhất 10 năm

Eurozone: Thâm hụt ngân sách giảm, nợ công tăng

Sac Q. Nguyen

sacng@vietinbanksc.com.vn

PVD: Lợi nhuận quý 1/2014 ước đạt 580 tỷ đồng

DHG: Lợi nhuận quý 1/2014 đạt 118 tỷ, xấp xỉ năm ngoái

BID: Đạt 1,800 tỷ đồng LNTT trong quý 1/2014

► Tin kinh tế

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KHĐT), tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong 4 tháng đầu năm 2014, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 4.855 tỷ USD, bằng 59.1% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, ước tính đã giải ngân được 4 tỷ USD, tăng 6.7% so với cùng kỳ năm 2013. Cụ thể, tính đến ngày 20/4/2014, cả nước có 390 dự án mới được cấp GCNĐT với tổng vốn đăng ký 3.22 tỷ USD, bằng 65.4% so với cùng kỳ năm 2013. Có 140 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 1.62 tỷ USD, bằng 49.7% so với cùng kỳ năm 2013.

Tổng cục Thống kê vừa công bố CPI tháng 4 của cả nước tăng 0.08% so với tháng trước và tăng 4.45% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo báo cáo về kinh tế Việt Nam mới được công bố bởi khối Nghiên cứu Kinh tế của Ngân hàng HSBC trong vòng 13 năm qua, mức tăng giá cả trung bình theo tháng trong bốn tháng đầu năm là 1%. Nhưng riêng năm nay, lạm phát 4 tháng chỉ tăng trung bình 0.2%. Nguyên nhân chính là do nhu cầu nội địa yếu, giá cả thực phẩm và năng lượng ổn định. Bên cạnh đó, giá cả một số mặt hàng cơ bản cũng đang giảm.

Theo số liệu công bố ngày 23-4 của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostats), tình hình tài chính công Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã được cải thiện trong năm 2013, tuy nhiên tổng nợ công vẫn ở mức nguy hiểm. Thâm hụt ngân sách trung bình các nước Eurozone đạt 3% GDP năm 2013, bằng mức trần cho phép của Liên minh châu Âu (EU) và thấp hơn tỷ lệ 3.7% năm 2012. Tuy nhiên, tổng số nợ của Eurozone lại tăng lên mức 92,6% GDP, cao hơn so với cùng kỳ năm 2012 là 90.7% và vượt xa so với giới hạn cho phép của EU là 60%. Tính chung cả Liên minh châu Âu (EU), thâm hụt ngân sách năm 2013 là 3.3% và tổng nợ bằng 87.1% GDP

► Tin doanh nghiệp

TCT Cổ Phần Khoan & DV Khoan Dầu Khí – PV Drilling (HOSE:PVD) ước tính doanh thu đạt khoảng 4,000 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 580 tỷ đồng trong quý 1/2014. Như vậy, PVD đã đạt 35% kế hoạch lợi nhuận năm chỉ sau quý 1. Đây là thông tin được ban lãnh đạo PVD chia sẻ tại ĐHCĐ thường niên năm 2014 diễn ra sáng 25/04. Cũng theo PVD, lợi nhuận quý 1 tốt hơn cùng kỳ năm ngoái chủ yếu nhờ vào doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan gia tăng và các công ty liên doanh bắt đầu có lợi nhuận tốt.

CTCP Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) đạt 118.24 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế quý 1/2014, xấp xỉ cùng kỳ năm ngoái. So với cùng kỳ năm 2013, doanh thu thuần của DHG giảm 5.6% xuống 727.62 tỷ đồng nhưng lợi nhuận gộp vẫn tăng 10.32% lên 380.93 tỷ đồng. Trong khi đó, thu nhập từ hoạt động tài chính quý này bị âm 6.21 tỷ đồng chủ yếu do DHG phát sinh chiết khấu thanh toán 13.12 tỷ đồng. Cùng kỳ, hoạt động này đem lại thu nhập hơn 10 tỷ đồng cho công ty. Được biết, trong một tháng qua, giá cổ phiếu DHG đóng cửa dao động trong biên độ 135,000 – 143,000 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 29,339 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 4.2 tỷ đồng/phiên.

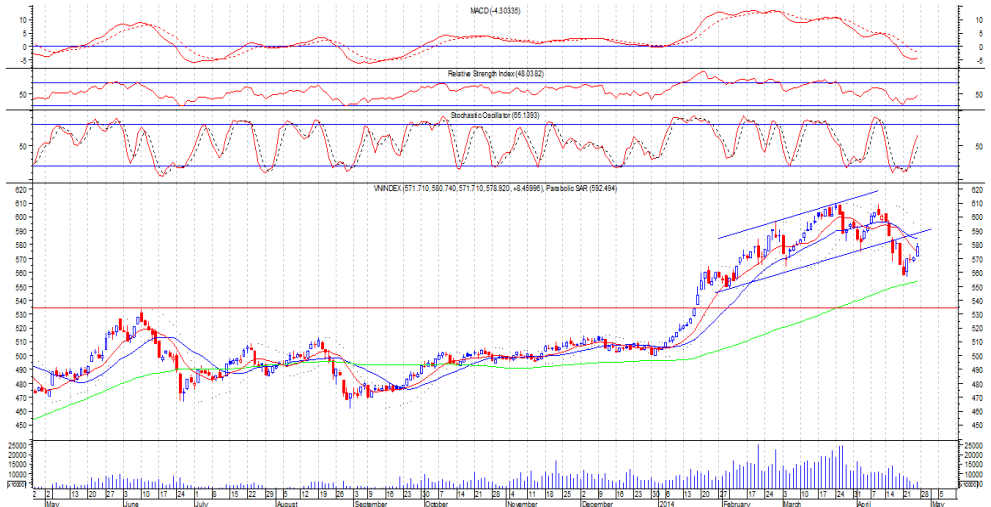
Tại đại hội cổ đông thường niên của BIDV (HOSE: BID) sáng 25/4, Phó Tổng giám đốc BID Trần Phương cho biết, hết quý 1, BID hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh. Cụ thể, hết quý 1, BID đạt tổng tài sản 576 ngàn tỷ, tăng 4% so với cuối năm trước. Huy động vốn tăng 3.2% đạt 431 ngàn tỷ; dư nợ tín dụng 398 ngàn tỷ, tăng 2.7%, nợ xấu dưới 2%. Lợi nhuận trước thuế 1,800 tỷ đồng sau khi đã trừ dự phòng (lợi nhuận trước dự phòng là 2,500 tỷ đồng). Trả lời thêm về kế hoạch kinh doanh 2014, lãnh đạo BID cho biết ngân hàng dự kiến đạt tổng chênh lệch thu chi là 15,000 tỷ đồng, trong đó 9,000 tỷ đồng dự phòng rủi ro. Cổ tức dự kiến không thấp hơn 9%.

HOSE 25/04/2014 VNINDEX 578.91 8.45 1.48% 64,320,453 CP 1,284.88 bil VND

Bluechips giúp thị trường tăng điểm tích cực

VN-Index tăng 8.46 điểm (+1.48%), đóng cửa tại mức 578.92 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD dừng đà giảm và có xu hướng gia tăng trở lại.
- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI tăng mạnh lên mức 48.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang đi xuống, nhưng đã giảm đã chững lại.
- Các chỉ báo kỹ thuật đang phần nào cho thấy TT có xu hướng tạo đáy thành công.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.2 (2.4%)	5,048,230
FLC	0.2 (1.7%)	4,134,120
HAG	-0.1 (-0.4%)	2,841,620
VIP	-0.8 (-6.4%)	1,906,230
SSI	0.2 (0.7%)	1,893,200

HOSE Top 5 theo % tăng

SC5	1.9 (7.0%)	3,950
TLG	2.8 (6.7%)	40
VNH	0.3 (6.7%)	252,830
LM8	1.3 (6.6%)	1,110
VNA	0.2 (6.5%)	37,970

HOSE Top 5 theo % giảm

VPK	-2 (-6.8%)	16,310
TDW	-1.4 (-6.6%)	1,250
BTT	-2.4 (-6.5%)	170
LGC	-1.2 (-6.5%)	10
VIP	-0.8 (-6.4%)	1,906,230

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	15,3 tỷ	184,220
GAS	15,1 tỷ	156,740
KDC	11,9 tỷ	222,450
HPG	11,6 tỷ	235,990
ITA	10,8 tỷ	1,240,770

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-38,1 tỷ	1,439,040
DPM	-16,2 tỷ	458,280
HCM	-6,1 tỷ	179,000
VIC	-5,8 tỷ	88,500
NTL	-2,0 tỷ	125,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,336,910	36.46

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường có được sự tích cực về mặt điểm số và mặt bằng giá, VN-Index được hỗ trợ khá mạnh từ nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là cổ phiếu GAS.
- ▶ KLGD có sự gia tăng trở lại và đạt 58 triệu đơn vị, đây vẫn là mức khá thấp. Điều này cho thấy sự thận trọng và dè dặt của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 36 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 550 - 560 tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. VN-Index đã có những dấu hiệu tạo đáy, việc đi lên của chỉ số vẫn cần sự đồng thuận của thanh khoản.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Tránh mua đuổi giá khi thanh khoản chưa thực sự bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	97.0	183,815.00	14.3	5.3	40.6%	25.7%
VNM	833.4	141.0	117,515.08	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	96.5	70,918.94	148.8	4.9	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	29.0	67,205.10	15.4	1.6	10.4%	1.0%
VIC	908.8	67.0	60,887.09	9.1	4.3	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	15.8	58,829.79	8.8	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.7	44,135.88	10.3	1.4	13.8%	0.8%
BVH	680.5	37.9	25,789.87	22.3	2.1	9.4%	2.3%
HPG	481.9	49.6	23,902.76	9.7	2.2	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.1	22,964.48	10.2	1.5	14.5%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

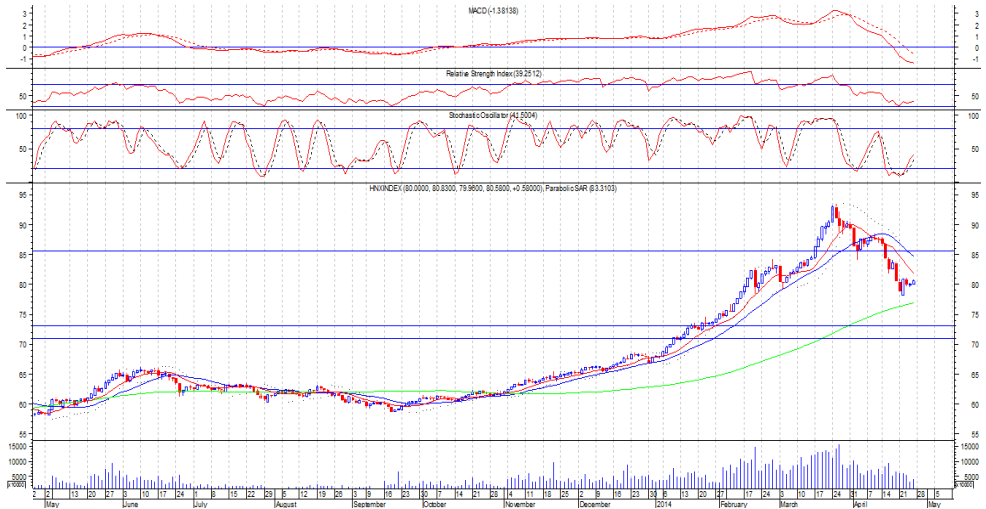
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.2	3,302.92	13.9	1.2	NA	TH.DOI
FPT	275.1	67.5	18,570.56	11.2	2.5	NA	TH.DOI
CII	112.9	26.5	2,990.83	20.5	1.9	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.5	2.4	NA	TH.DOI
VSC	28.6	65.0	1,861.99	7.4	2.0	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.2	585.33	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 25/04/2014 HNX-Index 80.58 0.58 0.73% 41,676,356 CP 425.70 bil. VND

Bluechips giúp thị trường tăng điểm tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 0.58 điểm (+0.73%), đóng cửa tại mốc 80.58 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân ngắn, tăng điểm nhẹ lúc đóng cửa.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi ra khỏi vùng quá bán.
- MACD dừng đà giảm. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) gia tăng lên mức 41.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang duy trì trên đường giá và vẫn có xu hướng đi xuống.
- Các chỉ báo kỹ thuật đang phần nào cho thấy TT có xu hướng tạo đáy thành công.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	6,806,010
SCR	0.2 (2.2%)	3,969,660
SHB	0 (0.0%)	3,852,990
SHS	0.3 (3.1%)	2,792,240
KLS	0 (0.0%)	2,558,110

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
MMC	0.2 (10.0%)	27,200
VMC	1.8 (10.0%)	3,100
FDT	2.6 (10.0%)	600
KLF	1.3 (9.9%)	2,180,130

HNX Top 5 theo % giảm

HAD	-5.4 (-10.0%)	100
PTS	-0.6 (-10.0%)	4,700
PVA	-0.4 (-9.5%)	497,100
VNT	-3.1 (-9.5%)	500
SPI	-0.5 (-9.4%)	400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	1,8 tỷ	68,985
PVX	0,9 tỷ	176,200
PMC	0,6 tỷ	12,500
SNG	0,1 tỷ	6,400
HEV	0,1 tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-0,8 tỷ	86,300
ACB	-0,5 tỷ	27,500
QTC	-0,3 tỷ	6,500
SD6	-0,3 tỷ	20,000
HDA	-0,1 tỷ	7,600

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	142,585	2.15

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Không có được sự nâng đỡ của nhóm vốn hóa lớn như sàn HOSE, nhưng HNX-Index vẫn có được sự đồng thuận của phần lớn các mã sàn này và đóng cửa xanh nhẹ.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 39 triệu đơn vị, đây vẫn là một mức khá thấp. Điều này cho thấy sự thận trọng và dè dặt của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 2 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 74 - 76 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho TT. HNX-Index có những dấu hiệu tạo đáy tuy nhiên việc đi lên vẫn cần có sự đồng thuận của thanh khoản.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Tránh mua đuổi giá khi thanh khoản chưa thực sự bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.5	15,205.00	18.2	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	26.3	11,748.22	7.0	1.4	21.6%	7.0%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	10.1	0.8	8.6%	0.7%
VCG	441.7	14.2	6,272.29	12.8	1.1	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	28.8	2.3	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.4	4,373.03	13.4	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	41.0	3,191.11	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	43.3	72.1	3,124.67	10.8	2.6	24.8%	16.7%
VNR	100.8	29.0	2,924.00	9.3	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.2	1,109.60	6.1	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.5	386.10	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.3	1,580.06	11.2	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.1	3,124.67	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.8	790.00	10.1	0.9	NA	TH.DOI
PVS	446.7	26.3	11,748.22	7.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	15.35%	96.5	148.77	4.86	172,886	174,785	386,918
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	14.46%	67.0	9.05	4.30	668,765	650,499	452,959
HPG	HOSE	481.9	23,902.76	11.74%	49.6	9.67	2.22	680,379	844,027	805,914
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	11.01	2.30	370,714	449,378	479,138
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	8.01%	35.3	6.25	1.44	2,510,701	2,108,162	1,274,274
HAG	HOSE	718.2	18,959.28	7.98%	26.4	20.59	1.48	3,059,799	3,118,224	4,688,398
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	6.11%	29.0	15.42	1.59	753,107	812,614	973,844
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.13%	20.1	10.16	1.46	474,493	585,347	1,021,210
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	3.08%	37.9	22.31	2.09	400,063	430,437	564,400
ITA	HOSE	718.1	6,247.25	2.71%	8.7	61.11	0.74	7,595,617	9,662,828	10,861,284
HSG	HOSE	96.3	4,960.12	2.68%	51.5	8.58	2.16	183,890	209,241	302,194
GMD	HOSE	114.4	3,421.21	2.26%	29.9	17.26	0.75	246,426	241,354	442,420
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	2.03%	20.8	4.10	1.27	592,521	675,975	1,134,173
VSH	HOSE	206.2	3,402.98	1.74%	16.5	16.87	1.30	367,680	647,191	1,021,356
CSM	HOSE	67.3	2,705.14	1.64%	40.2	7.23	2.06	448,413	487,999	740,518
KBC	HOSE	289.8	3,303.27	1.48%	11.4	45.16	0.82	959,075	1,064,311	1,504,760
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.33%	44.0	9.52	2.49	284,787	381,451	439,194
PVT	HOSE	232.6	3,302.92	1.18%	14.2	13.90	1.18	885,393	1,034,151	2,423,533
DIG	HOSE	143.0	2,430.92	1.01%	17.0	44.39	1.02	394,971	588,494	926,604
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	0.91%	11.3	59.59	1.03	2,441,899	3,002,055	3,489,697
PET	HOSE	69.8	1,250.17	0.87%	17.9	7.89	1.01	606,503	585,117	932,747

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,748.22	5.37%	26.3	7.01	1.40	2,581,727	2,764,695	3,045,832
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	8.00%	67.0	9.05	4.30	668,765	650,499	452,959
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	7.00%	29.0	15.42	1.59	753,107	812,614	973,844
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	6.50%	37.9	22.31	2.09	400,063	430,437	564,400
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	5.79%	35.3	6.25	1.44	2,510,701	2,108,162	1,274,274
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.26%	20.1	10.16	1.46	474,493	585,347	1,021,210
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	11.01	2.30	370,714	449,378	479,138
ITA	HOSE	718.1	6,247.25	3.73%	8.7	61.11	0.74	7,595,617	9,662,828	10,861,284
SHB	HNX	886.1	8,595.01	2.86%	9.7	10.12	0.83	8,193,316	7,677,047	10,375,886
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	1.58%	20.8	4.10	1.27	592,521	675,975	1,134,173
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	2.33%	11.3	59.59	1.03	2,441,899	3,002,055	3,489,697
GMD	HOSE	114.4	3,421.21	1.62%	29.9	17.26	0.75	246,426	241,354	442,420
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	8.00%	96.5	148.77	4.86	172,886	174,785	386,918
HAG	HOSE	718.2	18,959.28	2.83%	26.4	20.59	1.48	3,059,799	3,118,224	4,688,398
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.28%	44.0	9.52	2.49	284,787	381,451	439,194
VCG	HNX	441.7	6,272.29	3.58%	14.2	12.82	1.13	1,687,136	2,078,717	4,001,196
PVT	HOSE	232.6	3,302.92	2.05%	14.2	13.90	1.18	885,393	1,034,151	2,423,533

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.00%	67.0	9.05	4.30	668,765	650,499	452,959
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.00%	96.5	148.77	4.86	172,886	174,785	386,918
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	0.00%	35.3	6.25	1.44	2,510,701	2,108,162	1,274,274
HAG	HOSE	718.2	18,959.28	0.00%	26.4	20.59	1.48	3,059,799	3,118,224	4,688,398
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.00%	29.0	15.42	1.59	753,107	812,614	973,844
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.16	1.46	474,493	585,347	1,021,210
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	0.00%	37.9	22.31	2.09	400,063	430,437	564,400
CTG	HOSE	3,723.4	58,829.79	0.00%	15.8	8.75	1.09	660,584	784,507	1,192,783
GAS	HOSE	1,895.0	183,815.00	0.00%	97.0	14.27	5.25	401,551	418,337	390,963

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.81%	96.5	148.77	4.86	172,886	174,785	386,918
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.55%	67.0	9.05	4.30	668,765	650,499	452,959
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	0.26%	35.3	6.25	1.44	2,510,701	2,108,162	1,274,274
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.20%	29.0	15.42	1.59	753,107	812,614	973,844
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.14%	20.1	10.16	1.46	474,493	585,347	1,021,210
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	0.10%	37.9	22.31	2.09	400,063	430,437	564,400

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,371	6.4	1.0	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,018	6.9	1.5	23.4%	17.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,838	30.1	0.8	1.9%	1.4%
Sản xuất giấy	790	8.3	0.8	10.7%	5.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,962	17.7	1.9	18.7%	8.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,900	4.8	0.9	18.1%	3.8%
Khai khoáng	12,247	53.2	5.0	2.1%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,989	18.6	1.4	17.3%	9.3%
Xây dựng	31,045	66.0	1.1	1.4%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,286	8.3	1.2	16.4%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	378	4.1	0.8	20.5%	14.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,653	10.7	1.0	7.9%	3.9%
Thiết bị điện	1,667	14.9	0.7	-0.8%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	22.4	0.5	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	8,374	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,680	2.6	0.9	4.5%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,825	10.9	1.4	16.7%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,166	8.3	1.4	17.3%	10.4%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,030	15.1	1.4	8.3%	1.9%
Đào tạo & Việc làm	225	18.3	0.6	4.4%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	190	8.8	0.8	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	158	2.4	0.7	34.4%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,087	25.7	1.6	12.4%	6.9%
Lốp xe	6,857	8.3	2.2	29.0%	12.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,417	7.3	1.1	15.4%	9.2%
Vang & Rượu mạnh	245	10.7	1.8	18.2%	13.4%
Đồ uống & giải khát	264	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,483	13.8	1.3	12.3%	5.9%
Thực phẩm	208,094	23.3	5.5	24.6%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,184	7.9	1.0	13.4%	6.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	148	3.8	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,072	8.3	1.5	17.7%	7.0%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,050	9.3	1.7	16.5%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	690	4.4	1.0	-5.7%	3.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	881	20.3	0.9	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	135	3.2	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	161	10.3	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,035	12.8	3.5	26.7%	17.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	397	52.0	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	704	13.0	1.2	12.1%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,310	9.1	1.5	15.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,065	8.6	1.0	12.5%	8.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	153	6.7	2.9	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,773	29.8	2.6	7.2%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,080	21.3	1.5	13.3%	10.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,207	28.4	2.0	15.7%	14.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	620	20.1	0.8	3.8%	1.3%
Internet	259	54.6	0.6	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,345	11.3	2.5	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	422	14.5	0.7	4.2%	1.6%
Thiết bị văn phòng	262	5.3	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,108	12.9	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,158	7.2	1.2	18.7%	9.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	181,366	14.0	5.1	39.8%	25.1%
Nước	1,213	6.6	1.1	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,239	10.3	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,615	11.7	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,793	9.3	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,382	22.3	2.1	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,300	59.6	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	24,924	18.6	1.4	8.2%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	251,727	11.2	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	140,681	12.8	2.7	30.6%	6.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	162.4	0.4	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,761	9.3	2.0	21.7%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.